

Cynarix Dragees
 Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg

Box of 24 sugar coated tablets

Cynarix Dragees

Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg




Manufactured
 Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
 Salzbergstraße 96 AT-6067 Absam AUSTRIA



Composition: One sugar coated tablet contains
 Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg

Indication, dosages and administration, contra-indication and other information: Please see the package insert

Storage: Store in tight container, in dry places, protect from light, below 30 C

Specification: In- House
 KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
 READ CAREFULLY ENCLOSED LEAFLET BEFORE USE

Cynarix Dragees
 Cao khô lá Actiso 4-6:1 (Extractum folii cynarae siccus) 55mg




Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
 Salzbergstraße 96 AT-6067 Absam AO

Nhà sản xuất:

Hộp 24 viên bao đường

Visa No:
 Lot No:
 Mfg date:
 Exp date:

Thành phần: Mỗi viên bao đường chứa
 Cao khô lá Actiso 4-6:1 (Extractum folii cynarae siccus) 55mg

Chỉ định, Liều dùng, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Vui lòng xem tờ hướng dẫn và các thông tin khác: Vui lòng xem tờ hướng dẫn

Tiêu chuẩn: TCCS dưới 30 C

Bảo quản: Trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ

Đề xa tầm tay với của trẻ em
 Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng

[Handwritten signature]

Cynarix Dragees
 Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg




Manufactured
 Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
 Salzbergstraße 96 AT-6067 Absam AUSTRIA

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 08/06/17



Cynarix Dragees
Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg

Box of 60 sugar coated tablets

Cynarix Dragees

Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg



Montavit

Manufactured
Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
Salzbergstraße 96 AT-6067 Absam AUSTRIA





Composition: One sugar coated tablet contains
Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg

Indication, dosages and administration, contra-indication and other information: Please see the package insert

Storage: Store in tight container, in dry places, protect from light, below 30 C

Specification: In- House

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY ENCLOSED LEAFLET BEFORE USE

Cynarix Dragees
Cao khô là Actiso 4-6:1 (Extractum folii cynarae siccus). 55mg



Montavit

Nhà sản xuất:
Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
Salzbergstraße 96 AT-6067 Absam AÖ



Hộp 60 viên bao đường

Visa No:
Lot No:
Mfg date:
Exp date:

Thành phần: Mỗi viên bao đường chứa
Cao khô là Actiso 4-6:1 (Extractum folii cynarae siccus) 55mg

Chỉ định, Liều dùng, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Vui lòng xem tờ hướng dẫn
Bảo quản: Trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30 C

Tiêu chuẩn: TCCS
Đề xam tay với của trẻ em
Độc ký hướng dẫn trước khi sử dụng

Cynarix Dragees
Extractum folii cynarae siccus 4-6:1 55mg



Montavit

Manufactured
Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
Salzbergstraße 96 AT-6067 Absam AUSTRIA





108/97

18288



Cynarix - Dragees

Để thuốc tránh xa tầm với trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến của bác sỹ.

Thành phần:

Hoạt chất:

Cao khô lá Actisô 4-6:1 (Extractum folii cynarae siccus)55mg

Tá dược: Silica (colloidal anhydrous) 15.3535mg, Cellactose 80 78.17mg, Copovidon 13.3855mg, Crospovidon 35.6945mg, Talc 5.0mg, Magnesi stearat 2.5mg, Sucrose 106.6008mg, Talc 46.6178mg, Titan dioxyd 4.5552mg, Acacia 6.25mg, Methylcellulose 0.8702mg, Calci carbonat 8.8535mg, Povidon 3.2938mg, Glycerol (85%) 2.1725mg, FD&C Blue No.2 Aluminium lake HT 0.0297mg, D&C Yellow No.10 Aluminium lake HT 0.7592mg, Eudragit E 12.5 0.8438mg, Montanglycol wax DAB 0.3mg.

Mô tả:

Viên nén hình tròn, hai mặt lõm, không khắc hay trang trí, sáng bóng, có màu xanh hơi vàng.

Dược học:

Dược lực học:

Thành phần có tác dụng chính trong cao lá Actisô là các acid caffeoylquinic (acid chlorogenic, cynarin,...), flavonoid (luteolin,...) và sesquiterpen lacton (cynaropicrin,...). Acid caffeoylquinic làm tăng đào thải mật, đây là cơ chế quan trọng nhất trong điều trị các triệu chứng khó tiêu. Luteolin có tác dụng chống tăng lipid máu bằng cách ức chế sinh tổng hợp cholesterol. Sesquiterpen lacton có vị khó chịu kích thích bài tiết acid dạ dày. Trên in vitro, acid caffeoylquinic có tác dụng bảo vệ tế bào gan, trong nhiều thí nghiệm, chất này giúp ngăn chặn tổn thương oxy hóa đối với màng tế bào gan.

Dược động học:

Hấp thu:

Tác dụng lợi mật xuất hiện 30 phút sau khi hấp thu thuốc. Cơ chế hấp thu của các acid caffeoylquinic có hoạt tính như acid chlorogenic, acid caffeic (chất chuyển hóa của acid chlorogenic) và luteolin vẫn chưa được rõ. Vị trí hấp thu được cho là đường tiêu hóa trên và ruột, dựa trên dữ liệu cho thấy nồng độ huyết tương của acid caffeic tăng nhanh, Tmax là 6-7

BSL₁

giờ. Acid chlorogenic và acid caffeic được hấp thu 33% và 100% tương ứng ở ruột non sau khi uống.

Chuyển hóa và thải trừ:

Acid chlorogenic thủy phân ở dạ dày tạo thành acid caffeic và acid quinic. Sau khi dùng liều đơn acid 1,5-dicaffeoylquinic (cynarin) ở chuột, 15 chất chuyển hóa được tìm thấy trong nước tiểu. Acid caffeic được thải trừ chủ yếu qua lọc cầu thận.

Chỉ định:

Điều trị các triệu chứng khó tiêu và chướng bụng sau khi ăn bữa ăn có chất béo hoặc chứa các chất khó tiêu hóa, đặc biệt khi có rối loạn chức năng đường mật.

Hỗ trợ trong liệu pháp chung điều trị rối loạn chức năng gan, giải độc gan, thông mật, lợi tiểu, nhuận tràng.

Liều dùng và cách dùng:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1-2 viên 1 lần, 3 lần 1 ngày, uống với nhiều nước ngay trước bữa ăn.

Trẻ em bằng hoặc dưới 12 tuổi: Chưa có nghiên cứu về việc sử dụng cho đối tượng này.

Không hạn chế thời gian điều trị.

Chống chỉ định:

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tiền sử mẫn cảm với những cây thuốc thuộc họ *Asteracea*.

Không sử dụng cho những bệnh nhân sau:

- Hẹp đường mật
- Viêm túi mật dẫn đến mũ tích tụ trong túi mật

Thận trọng:

Những bệnh nhân sau không nên dùng thuốc này:

Bệnh nhân mắc chứng không dung nạp fructose/galactose hiếm, suy giảm Lapp lactase, galactose huyết bẩm sinh hay kém hấp thu glucose-galactose, hoặc suy giảm sucrose-isomaltase.

Tác dụng không mong muốn (ADR):

Rất hiếm (<1/10000): Rối loạn tiêu hóa nhẹ như ỉa chảy nhẹ, rối loạn bụng trên, buồn nôn, ợ nóng.

Tương tác thuốc:

Chưa có tương tác thuốc nào được báo cáo.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Chưa có dữ liệu nghiên cứu trên nhóm bệnh nhân có thai hay cho con bú, do vậy cần thận trọng khi sử dụng cho nhóm bệnh nhân này.

Tác dụng của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:

Thuốc không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể lên khả năng lái xe hay vận hành máy móc.

Sử dụng quá liều:

Chưa có báo cáo về sử dụng quá liều.

Không được dùng quá liều thuốc.

Nếu bị quá liều, đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất.

Quy cách đóng gói:

Hộp 2 vỉ x 12 viên.

Hộp 5 vỉ x 12 viên.

Bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Sản xuất bởi:

Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH

Địa chỉ: Salzbergstraße 96, AT – 6067 Absam, Áo



TUQ. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Huy Hùng

